

Bản án số: 08/2021/DS-PT.
Ngày: 24-3-2021.
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Quốc Bảo**.

Các Thẩm phán: Ông **Nguyễn Thành Trung**;
Ông **Trần Mạnh Dũng**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Huỳnh Minh Ngôn** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam: Bà **Trần Thị Thanh Bắc** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2020/TLPT-DS ngày 02 tháng 11 năm 2020 về “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 39/2020/DS-ST ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2020/QĐXXPT-DS ngày 30 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Thái Thị S**, sinh năm 1964 và ông **Lê Văn D**, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Bà S, ông D có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

- Bà **Trương Thị Thu B**, sinh năm 1996; địa chỉ: Số 01 đường C, thị trấn N, huyện N, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- Ông **Lê Văn A** là Luật sư của Văn phòng Luật sư Lê Văn A thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ. Có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông **Dương Văn C**, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Chi T**, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam (Theo văn bản ủy

quyền lập ngày 28/8/2019). Có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Nguyễn Thị Chi T**, sinh năm 1959; địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Có mặt.

- **Ủy ban nhân dân xã T, huyện T.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Tấn L**, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T. Vắng mặt.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Thái Thị S và ông Lê Văn D.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thái Thị S và ông Lê Văn D trình bày: Trước năm 1980, ông Lê T (là cha của ông D) có canh tác, sử dụng một mảnh đất tổng diện tích 549m², thuộc thửa đất số 689, tờ bản đồ số 22 tại ngã ba Đ, Thôn 5, xã T, huyện T. Khi ông Lê T còn sống, có cho ông Dương Văn C mượn làm một cái trại sửa xe đạp ở sát đường với diện tích khoảng 20m². Sau này, khi ông Lê T chết thì ông C nói rộng quán, lấn chiếm diện tích đất hiện nay hơn 200m². Trên diện tích đất ông C đã lấn chiếm, có cây cối, mồ mả của gia đình ông D và bà S. Ngày 22/3/1994, vợ chồng ông Lê Văn D, bà Thái Thị S kê khai và nộp thuế cho Nhà nước đối với diện tích đất tranh chấp nêu trên, được Ủy ban nhân dân xã T và cán bộ thuế xác nhận. Năm 2013 (sau khi ông Lê T đã qua đời), các anh, em của ông D đã họp gia đình, thống nhất giao diện tích đất tại thửa đất số 689, tờ bản đồ số 22 tại ngã ba Đ, Thôn 5, xã T, huyện T cho ông D quản lý, sử dụng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông D, bà S không thừa nhận “Giấy nhượng đất để làm nhà” lập năm 1984 mà ông C cung cấp cho Tòa án. Ông, bà không thừa nhận việc chuyển nhượng đất giữa ông T với ông C, vì cha của ông D là ông Lê T chứ không phải ông Lê Ngọc T như trong giấy chuyển nhượng và ông T chết năm 1981 (có trích lục khai tử), còn giấy chuyển nhượng đất lập năm 1984.

Vì vậy, bà S, ông D khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Dương Văn C phải trả lại cho ông, bà diện tích đất đã lấn chiếm theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án là 243,8m², thuộc thửa đất số 689, tờ bản đồ số 22 tại Thôn 5, xã T, huyện T.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Dương Văn C là bà Nguyễn Thị Chi T trình bày: Vào năm 1984, ông Lê T có chuyển nhượng cho ông C một diện tích đất khoảng 200m² thuộc thửa đất số 689, tờ bản đồ số 22 tại ngã ba Đ, Thôn 5, xã T, huyện T. Việc chuyển nhượng có lập văn bản, có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã T. Ông C quản lý, sử dụng làm nhà và sinh sống ổn định từ đó cho đến khi có tranh chấp phát sinh. Việc ông Lê T chuyển nhượng đất cho ông C và ông C quản lý, sử dụng từ trước đến nay là hợp pháp, ông C không lấn chiếm đất của vợ chồng ông D và bà S. Vì

vậy, ông C không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông D, bà S. Ông C thừa nhận đến nay ông vẫn chưa đăng ký, kê khai đối với diện tích đất này.

Tại các văn bản có trong hồ sơ vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân xã T trình bày: Việc đăng ký trích lục khai tử cho ông Lê T dựa trên lời khai của bà Thái Thị S (con dâu của ông T) là người đi đăng ký và một số người khác làm chứng. Tuy nhiên, trong quá trình cấp trích lục chưa thực hiện chặt chẽ việc xác minh.

Với nội dung vụ án như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DSST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam đã căn cứ vào Điều 147, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 158, khoản 1 Điều 165, khoản 1 Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 170, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Văn D và bà Thái Thị S về việc tranh chấp quyền sử dụng diện tích đất 243,8m², thửa đất số 689, tờ bản đồ số 22, thuộc Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam đối với ông Dương Văn C. (Có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/9/2020, nguyên đơn bà Thái Thị S, ông Lê Văn D có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc ông Dương Văn C phải tháo dỡ toàn bộ tài sản trên đất để trả lại cho bà S, ông D diện tích đất 243,8m².

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn phát biểu ý kiến tại phiên tòa phúc thẩm: Việc thu thập chứng cứ tại Tòa án cấp sơ thẩm không được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật và không thể thực hiện bổ sung tại phiên tòa phúc thẩm nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy bản án dân sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công trực tiếp giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án, về việc chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nghiên cứu để tham gia xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, không rút kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét hủy toàn bộ bản án sơ thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Thái Thị S và ông Lê Văn D thì thấy:

[2.1] Ngày 01/4/2011, Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 18/2011/TLST-DS về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn ông Lê Văn D, bà Thái Thị S với bị đơn ông Dương Văn C, diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 689, tờ bản đồ số 22 tại Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Ngày 29/8/2011, Hội đồng xét xử sơ thẩm Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam đã ban hành Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự số 43/2011/QĐST-DS; trong vụ án này, ông Trương Phước tiến hành tố tụng với tư cách là Hội thẩm nhân dân.

[2.2] Ngày 30/6/2017, Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam thụ lý giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 39/2017/TLST-DS về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” giữa nguyên đơn ông Lê Văn D, bà Thái Thị S với bị đơn ông Dương Văn C, diện tích đất tranh chấp thuộc thửa đất số 689, tờ bản đồ số 22 tại Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Quảng Nam (*cùng vị trí đất tranh chấp mà Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước đã thụ lý giải quyết và ban hành Quyết định đình chỉ việc giải quyết vụ án dân sự số 43/2011/QĐST-DS ngày 29/8/2011*). Ngày 25/9/2020, Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án và ban hành Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DSST, với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm do ông Trương Phước tiến hành tố tụng với tư cách là Hội thẩm nhân dân.

[2.3] Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 18/2011/TLST-DS ngày 01/4/2011 và vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 39/2017/TLST-DS ngày 30/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước có cùng nguyên đơn là ông Lê Văn D, bà Thái Thị S và bị đơn là ông Dương Văn C, có cùng quan hệ pháp luật là tranh chấp quyền sử dụng đất (*cùng một vị trí đất tranh chấp*). Do đó, ông Trương Phước tiếp tục tiến hành tố tụng với tư cách là Hội thẩm nhân dân để xét xử sơ thẩm vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 39/2017/TLST-DS ngày 30/6/2017 là không đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 53 của Bộ luật Tố tụng dân sự (*thuộc trường hợp Hội thẩm nhân dân phải từ chối tiến hành tố tụng hoặc bị thay đổi*). Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào khoản 3 Điều 308, khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DSST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[2.4] Do hủy bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét những nội dung kháng cáo khác của nguyên đơn.

[2.5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn tại phiên tòa, đề nghị hủy bản án sơ thẩm là có căn cứ nên cần phải chấp nhận

[3] Án phí dân sự phúc thẩm: Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử sơ thẩm lại nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn D và bà Thái Thị S số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 và khoản 2 Điều 310 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Lê Văn D và bà Thái Thị S, hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 39/2020/DSST ngày 25/9/2020 của Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Văn D và bà Thái Thị S không phải chịu. Hoàn trả lại cho ông Lê Văn D và bà Thái Thị S số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004736 ngày 16/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (24/3/2021).

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- TAND huyện Tiên Phước;
- Chi cục THADS huyện Tiên Phước;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Phạm Quốc Bảo**